

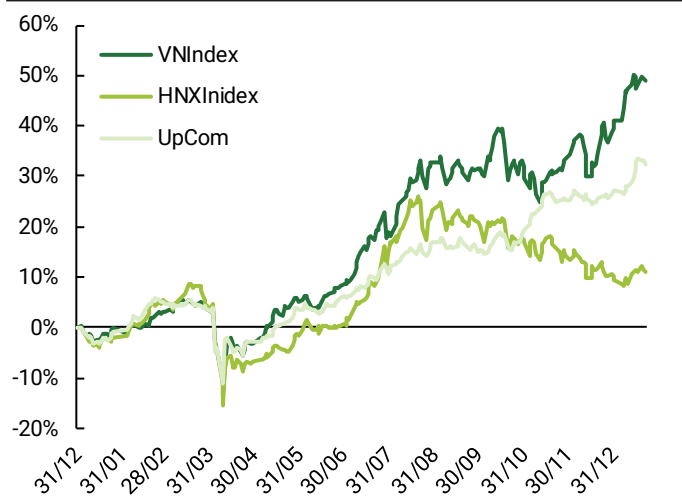
VN-Index **1885.44 (-0.44%)**
 1283 Tr. cổ phiếu 37494.5 Tỷ VND (0.30%)

HNX-Index **252.66 (-0.18%)**
 116 Tr. cổ phiếu 2775.3 Tỷ VND (29.94%)

UPCOM-Index **125.93 (-0.52%)**
 59 Tr. cổ phiếu 932.6 Tỷ VND (-69.41%)

VN30F1M **2078.00 (0.02%)**
 331,625 HD OI: 38,060 HD

% Hiệu suất từ đầu năm (YTD) các chỉ số



NHẬN ĐỊNH THỊ TRƯỜNG

- Diễn biến:** Chỉ số VNIndex đóng cửa phiên tại 1885.4, giảm -8.3 điểm (-0.44%). Thanh khoản tăng với độ rộng nghiêng về bên bán. Sắc đỏ cũng ghi nhận ở VN30, HNXIndex.
- Điểm nhấn trong phiên:** Áp lực bán chiếm ưu thế trong phiên, chịu tác động từ sự sụt giảm của thị trường chứng khoán toàn cầu trong bối cảnh căng thẳng liên quan đến vấn đề Greenland gia tăng.
 Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến tích cực trong phiên: Dầu khí: BSR (+7.0%), PVD (+4.4%) | Tiện ích: GAS (+5.3%), POW (+2.5%) | Công nghệ: CMG (+1.4%), FPT (+0.9%). Nhóm ngành và cổ phiếu diễn biến yếu: Dịch vụ tài chính: DSC (-7.0%), HCM (-6.9%), VIX (-4.7%) | Bất động sản: BCM (-4.6%), SZC (-4.2%) | Ngân hàng: EIB (-3.1%), VPB (-2.4%) | Hàng & Dịch vụ Công nghiệp: GEE (-6.8%), GEX (-4.3%), VOS (-3.6%) | Thực phẩm và đồ uống: VNM (-4.2%), SAB (-3.3%), ANV (-3.0%).
 Tác động chỉ số: Chiều tăng | GAS, STB, BSR, CTG, LPB - Chiều giảm | VNM, VCB, VPB, VPB, GEE, VIC
 Khối ngoại Bán ròng gần 290 tỷ, tập trung nhiều ở VNM, VCB, VIC, trong khi mua ròng GMD, KBC, VHM.

GÓC NHÌN KỸ THUẬT

- VN-Index** tiếp tục hình thành mẫu hình nền lưỡng lự Spinning Top trong vùng 1860 - 1900 điểm. Dù thu hẹp đà giảm, song, chỉ số vẫn đóng cửa thấp hơn hẳn cây nến phiên trước, hàm ý động lực phục hồi chưa đủ mạnh và áp lực cung còn chi phối. Dòng tiền đang luân chuyển nhanh và trở lại phân hóa. Cần lưu ý vai trò dẫn dắt hiện chỉ tập trung ở số ít mã trụ cột, với mức độ lan tỏa theo ngành hạn chế. Chỉ báo MACD cũng thu hẹp với đường tín hiệu, cùng với RSI hạ nhiệt cho thấy động lượng tăng chững lại. Hỗ trợ duy trì xu hướng hiện quanh ngưỡng 1850 điểm. Trong trường hợp độ rộng thị trường không cải thiện, rủi ro điều chỉnh kiểm định lại mốc tâm lý 1800 điểm có thể gia tăng.
- HNX-Index** kết phiên với mẫu hình nến Doji cùng thanh khoản cao, hàm ý lực cầu bắt đáy tham gia tốt tại khu vực hỗ trợ 250. Chỉ số có lẽ tiếp tục củng cố thêm dao động trong vùng 252 - 254.
- Chiến lược chung:** Với các mã đạt mục tiêu ngắn hạn, NĐT có thể cân nhắc chốt lời. Chiều mua mới cần hạn chế hưng phấn trước các dấu hiệu bật tăng chưa rõ ràng, nên theo dõi thêm quá trình kiểm định lại hỗ trợ ở các cổ phiếu. Các vị thế còn lại nếu chưa vi phạm có thể tiếp tục Nắm giữ. Những nhóm ngành nổi bật: Ngân hàng, Tiêu dùng, Dầu khí, Công nghệ.

CỔ PHIẾU KHUYẾN NGHỊ

Cắt lỗ KLB (Xem tiếp tại trang 7)

Diễn biến thị trường từ đầu năm đến hiện tại

Chỉ số	Giá đóng cửa		% Thay đổi		Giá trị giao dịch (Tỷ VND)	% Biến động giá trị giao dịch so với			Khối lượng giao dịch (Triệu CP)	% Biến động khối lượng giao dịch so với		
			(%) 1D	(%) 1W		(%) 1M	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần		Trung bình 01 tháng	01 phiên trước	Trung bình 01 tuần
Theo chỉ số												
VN-Index	1,885.4 ▼	-0.44%	-0.5%	10.6%	37,494.5 ▬	0.3%	-19.2%	55.0%	1,283.0 ▲	11.7%	-10.0%	64.6%
HNX-Index	252.7 ▼	-0.18%	-0.3%	-0.5%	2,775.3 ▲	29.9%	-5.4%	97.9%	115.8 ▲	28.6%	-11.1%	49.7%
UPCOM-Index	125.9 ▼	-0.52%	0.8%	5.5%	932.6 ▼	-69.4%	-59.7%	21.6%	58.9 ▼	-23.1%	-46.5%	6.9%
VN30	2,080.4 ▼	-0.3%	0.6%	7.6%	20,657.2 ▼	-7.7%	-26.8%	39.0%	477.3 ▼	-6.2%	-30.7%	29.5%
VNMID	2,245.6 ▼	-1.7%	-0.9%	1.4%	13,203.9 ▲	15.1%	-7.9%	92.7%	525.5 ▲	31.3%	-0.8%	89.6%
VNSML	1,496.7 ▼	-0.86%	0.2%	0.7%	1,852.4 ▬	0.2%	-12.0%	54.5%	115.4 ▲	5.0%	-12.8%	50.8%
Theo ngành (VNIndex)												
Ngân hàng	705.9 ▼	-0.3%	-0.16%	15.8%	9,754.6 ▼	-7.91%	-21.1%	3.9%	327.8 ▼	-2.7%	-18.7%	-1.0%
Bất động sản	806.9 ▼	-0.6%	-3.8%	10.2%	4,945.8 ▼	-3.1%	-12.4%	-2.7%	159.6 ▼	-0.1%	-5.6%	11.4%
Dịch vụ tài chính	322.2 ▼	-1.9%	-0.9%	4.3%	7,359.6 ▲	55.6%	40.3%	97.6%	293.6 ▲	70.0%	53.8%	107.6%
Công nghiệp	282.7 ▼	-2.8%	1.5%	12.2%	2,011.4 ▼	-34.1%	-0.8%	35.1%	52.2 ▼	-28.4%	8.3%	44.5%
Tài nguyên cơ bản	531.2 ▼	-1.6%	0.2%	2.2%	1,281.2 ▼	-12.4%	-28.2%	-5.1%	55.7 ▼	-6.7%	-24.2%	-0.7%
Xây dựng - Vật Liệu	184.9 ▼	-1.8%	0.5%	2.1%	1,299.2 ▲	10.4%	-5.0%	19.2%	75.7 ▲	51.3%	24.9%	48.7%
Thực phẩm	556.7 ▼	-1.8%	2.9%	3.2%	2,262.8 ▼	-36.8%	-32.3%	1.8%	50.8 ▼	-27.1%	-24.2%	-0.3%
Bán Lẻ	1,574.1 ▼	-0.6%	0.4%	5.1%	816.3 ▼	-39.6%	-24.7%	-11.8%	11.6 ▼	-42.2%	-25.9%	-7.6%
Công nghệ	560.2 ▬	0.8%	5.5%	10.7%	1,824.2 ▲	19.2%	7.0%	104.8%	21.8 ▲	25.8%	11.8%	93.8%
Hóa chất	198.4 ▼	-0.15%	9.5%	29.2%	1,607.2 ▲	48.9%	28.6%	78.4%	38.3 ▲	37.5%	16.5%	63.2%
Tiện ích	911.8 ▲	3.1%	1.1%	35.2%	1,003.2 ▲	15.2%	11.9%	47.6%	30.7 ▲	9.4%	5.6%	21.8%
Dầu khí	109.0 ▲	4.15%	9.0%	40.5%	1,798.7 ▲	29.0%	13.1%	79.7%	60.4 ▲	42.9%	17.0%	61.3%
Dược phẩm	446.4 ▼	-0.3%	2.0%	5.4%	88.6 ▲	70.0%	104.4%	66.1%	3.2 ▲	76.1%	77.7%	41.7%
Bảo hiểm	116.1 ▬	0.9%	7.0%	29.1%	119.8 ▼	-30.2%	-41.2%	6.2%	2.6 ▼	-35.8%	-43.8%	-6.7%

Nguồn: FiinPro, PHS tổng hợp

Diễn biến chỉ số chứng khoán của các thị trường trong khu vực và thị trường lớn trên Thế giới

Chỉ số	Thị trường	Giá đóng cửa	% Thay đổi giá		Chỉ số định giá	
			1 ngày	YTD	P/E	P/B
VN-Index	Việt Nam	1,885.4 ▼	-0.44%	48.8%	18.4x	2.3x
SET-Index	Thái Lan	1,318 ▲	1.63%	-5.9%	13.8x	1.2x
JCI-Index	Indonesia	9,010 ▼	-1.36%	27.3%	22.8x	2.4x
FTSE Bursa Malaysia	Malaysia	12,565 ▬	0.40%	-0.2%	16.6x	1.4x
PSEi Index	Phillipines	6,330 ▼	-0.36%	-3.0%	10.6x	1.3x
Shanghai Composite	Trung Quốc	4,117 ▬	0.08%	22.8%	19.7x	1.6x
Hang Seng	Hồng Kông	26,585 ▬	0.37%	32.5%	13.4x	1.4x
Nikkei 225	Nhật Bản	52,775 ▼	-0.41%	32.3%	22.3x	2.6x
S&P 500	Mỹ	6,797 ▼	-2.06%	15.6%	27.1x	5.4x
Dow Jones	Mỹ	48,489 ▼	-1.76%	14.0%	25.1x	5.8x
FTSE 100	Anh	10,118 ▼	-0.09%	23.8%	15.2x	2.3x
Euro Stoxx 50	Châu Âu	5,860 ▼	-0.55%	19.7%	17.8x	2.5x
DXV		98.7 ▼	-0.72%	-9.0%		
USDVND		26,267 ▬	0.01%	3.1%		

Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú: Chỉ số S&P 500, Dow Jones, FTSE 100 và Euro Stoxx 50 lấy giá đóng cửa hôm trước

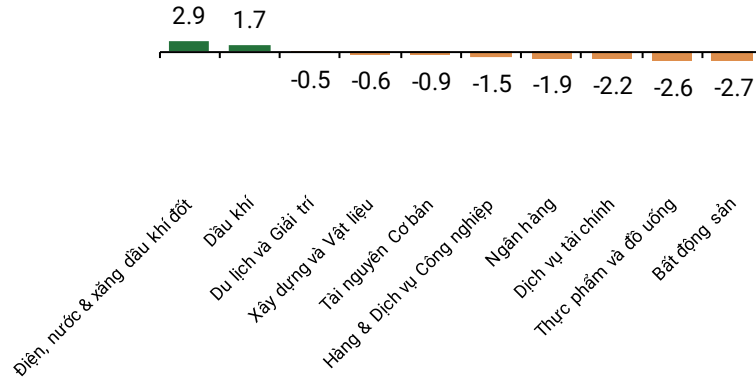
Biến động giá/ chỉ số các loại hàng hóa toàn cầu

Giá/ Chỉ số hàng hóa		% Thay đổi giá			
		1D	1M	% YTD	% YoY
Dầu Brent	▼	-0.5%	6.8%	-13.5%	-18.6%
Dầu WTI	▼	-0.5%	5.9%	-16.3%	-20.9%
Khí gas	▲	19.7%	17.4%	28.7%	24.5%
Than cốc (*)	▬	0.0%	-6.7%	-13.7%	-7.9%
Thép HRC (*)	▼	-0.5%	0.1%	-5.6%	-5.4%
PVC (*)	▬	0.0%	2.4%	-11.5%	-12.4%
Phân Urea (*)	▼	-0.5%	6.9%	14.0%	11.2%
Cao su thiên nhiên	▬	0.0%	3.3%	-8.4%	-7.8%
Bông Cotton	▼	-0.3%	1.2%	-5.7%	-4.7%
Đường	▼	-0.9%	0.0%	-23.1%	-16.7%
World Container Index	▼	-4.4%	12.1%	-35.7%	-36.6%
Baltic Dirty tanker Index	▼	-1.6%	12.2%	69.6%	74.3%
Vàng	▲	4.1%	12.1%	85.3%	77.2%
Bạc	▬	0.6%	41.4%	228.5%	208.5%

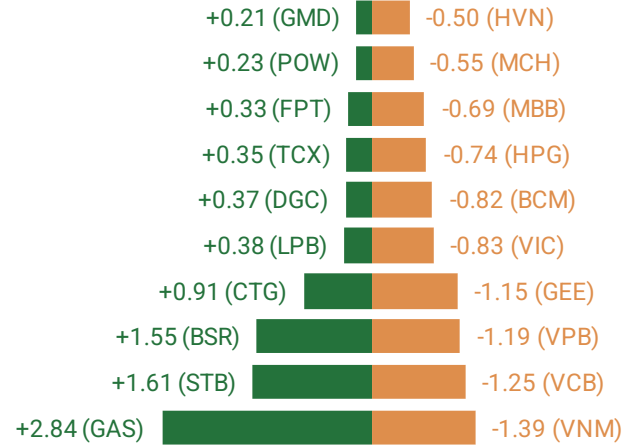
Nguồn: Bloomberg, PHS tổng hợp

Ghi chú (*) Chỉ số giá tại thị trường Trung Quốc

TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

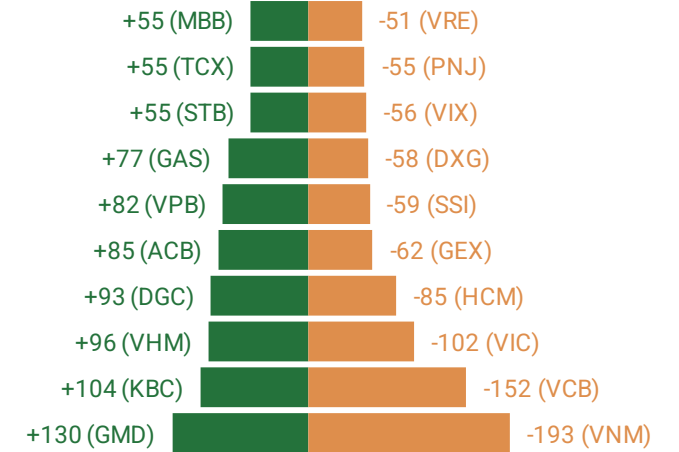


TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO VNINDEX

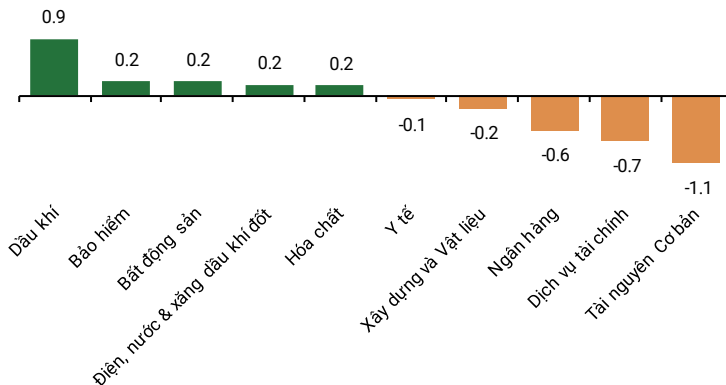


BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

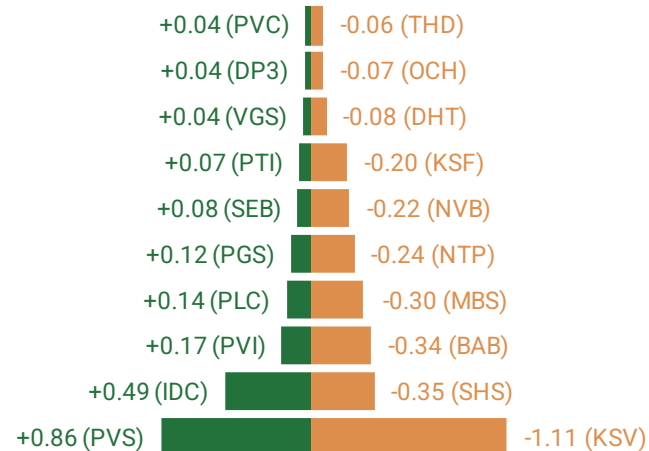
TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - VNINDEX



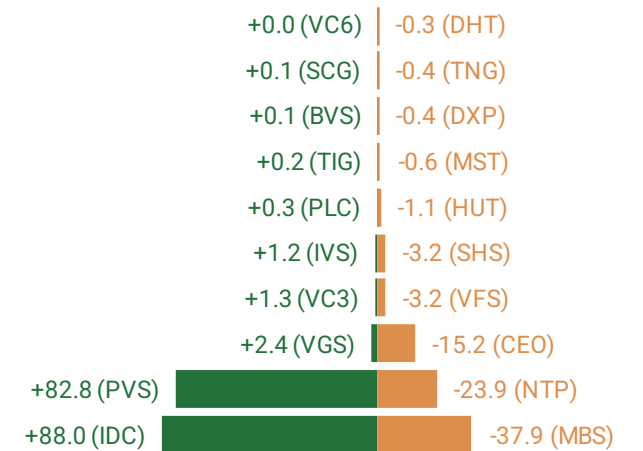
TOP NGÀNH ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU ĐÓNG GÓP ĐIỂM CHO HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU NGTTN GIAO DỊCH RÒNG (Tỷ VND) - HNXINDEX



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - VNINDEX



	VIX	HCM	STB	FPT	SSI
%DoD	-4.7%	-6.9%	6.9%	0.9%	-2.8%
Giá trị	2,013	1,875	1,584	1,505	1,453

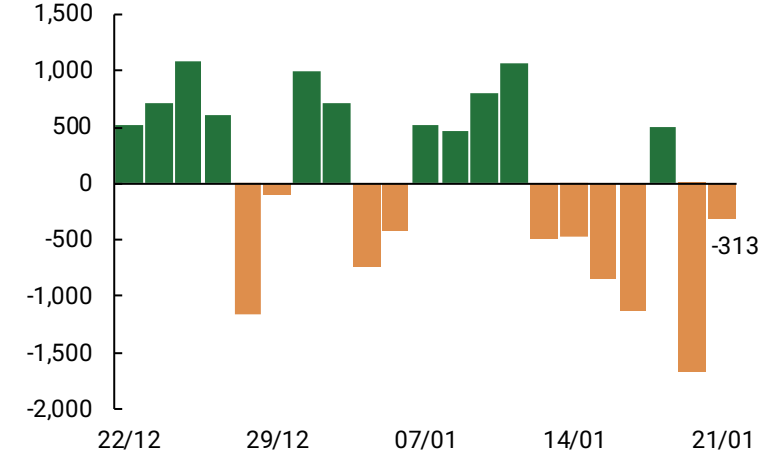
TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) VNINDEX



	VIC	VJC	MSB	FPT	DSC
%DoD	-0.3%	0.0%	-0.4%	0.9%	-7.0%
Giá trị	524	249	213	206	196

BẢN TIN CHỨNG KHOÁN THỐNG KÊ THỊ TRƯỜNG CƠ SỞ

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI VNINDEX (Tỷ VND)



TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH KHỚP LỆNH (Tỷ VND) - HNXINDEX



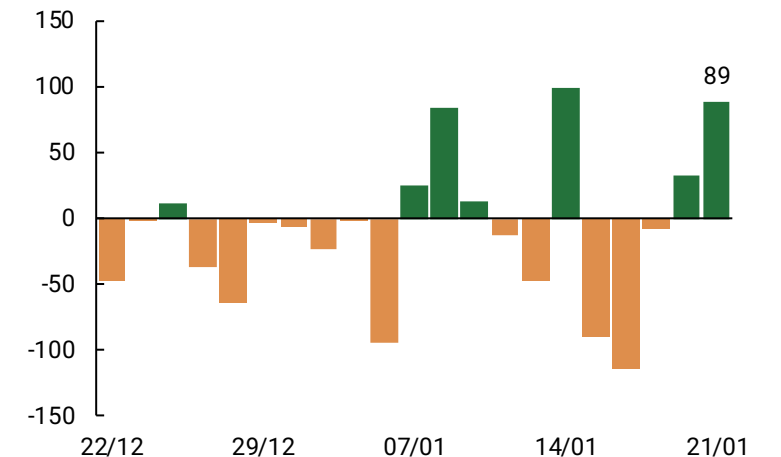
	PVS	SHS	IDC	CEO	MBS
%DoD	7.8%	-3.5%	5.2%	0.5%	-3.0%
Giá trị	552	444	418	239	229

TOP CỔ PHIẾU GIAO DỊCH THỎA THUẬN (Tỷ VND) HNXINDEX



	SHS	KTS	C69	TPP	BCC
%DoD	-3.5%	0.0%	-1.7%	10.0%	1.3%
Giá trị	104	16	14	10	6

GIÁ TRỊ GD RÒNG NĐTNN TẠI HNXINDEX (Tỷ VND)





Góc nhìn kỹ thuật VNindex

- ✓ Nến Spinning top, vol tăng trên bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 1780 - 1800.
- ✓ Kháng cự: 1900.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt dưới vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá trên ngưỡng 1850.

Kịch bản: Chỉ số tiếp tục rung lắc trong khu vực 1860 – 1900 điểm. Thanh khoản tăng nhưng giá vẫn đóng cửa thấp hơn nến phiên trước, hàm ý động lực phục hồi chưa đủ mạnh và lực cung còn chi phối. Chỉ báo MACD cũng thu hẹp với đường tín hiệu, cùng với RSI hạ nhiệt cho thấy động lượng tăng chững lại. Hỗ trợ duy trì hiện quanh ngưỡng 1850 điểm. Nếu độ rộng thị trường không phục hồi, VN-Index có khả năng kiểm định lại mốc tâm lý 1800 điểm.



Góc nhìn kỹ thuật VN30

- ✓ Nến Spinning top, vol tăng trên mức bình quân 20 phiên.
- ✓ Hỗ trợ: 2020 – 2050.
- ✓ Kháng cự: 2100.
- ✓ Chỉ báo RSI hạ nhiệt dưới vùng quá mua.
- ✓ Xu hướng: củng cố nền giá quanh ngưỡng 2050.

➔ Vận động nhìn chung tiếp tục rung lắc củng cố quanh khu vực 2050 – 2090. Đáng chú ý thanh khoản tăng nhưng chỉ số chưa thể bứt phá hàm ý lực cung lần nữa chiếm ưu thế. Hỗ trợ duy trì hiện quanh mốc 2050 điểm. Nếu các trụ cột lớn trong rổ như nhóm Vin, Vietjet tiếp tục điều chỉnh, không loại trừ khả năng VN30 kiểm định lại ngưỡng 2000 điểm.

STOCK		STRATEGY	Technical		Financial Ratio	
Ticker	KLB	CUT LOSS	Current price	16.2	P/E (x)	6.2
Exchange	UPCoM		Action price	17	P/B (x)	1.2
Sector	Banks		Selling price	(22/1) 16.2 - 16.5	EPS	2608.6
				-3.8%	ROE	21.2%
					Stock Rating	BBB
					Scale Market Cap	Medium



TÍN HIỆU KỸ THUẬT

- Giá lùi về dưới ngưỡng MA20 ngày.
 - Nến sao rơi hàm ý lực cung chi phối trong chiều hồi phục
 - Chỉ báo MACD cắt xuống đường tín hiệu, cùng với RSI cũng hạ nhiệt về dưới ngưỡng trung bình 50, hàm ý động lượng tăng suy yếu.
 - Rủi ro cao hơn nếu sập gãy ngưỡng 16.
- ➔ Xu hướng điều chỉnh có thể tiếp tục.
- ➔ Khuyến nghị Bán quanh giá hiện tại hoặc tận dụng nhịp hồi trong phiên.

Cổ phiếu khuyến nghị trong ngày

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ thực hiện	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	KLB	Cắt lỗ	22/01/2026	16.20	16.2 – 16.5	-3.8%	20.0	17.6%	15.8	-7.1%	

Danh mục cổ phiếu đang khuyến nghị

STT	Mã CK	Khuyến nghị	Ngày khuyến nghị	Ngày cập nhật khuyến nghị	Giá hiện tại	Giá thực hiện	LN/Lỗ hiện tại	Giá mục tiêu	LN kỳ vọng	Giá cắt lỗ	Rủi ro giảm	Ghi chú
1	KBC	Mua	09/01/2026	-	37.00	35 - 35.5	5.0%	39.5	12.1%	33	-6.4%	
2	ACB	Mua	14/01/2026	-	24.85	24.5 - 24.9	0.6%	28.0	13.4%	23.5	-4.9%	
3	TVN	Mua	15/01/2026	-	8.69	8.2 - 8.6	3.6%	9.6	14.3%	7.7	-8.0%	
4	TTN	Mua	16/01/2026	-	17.61	17.5 – 18.0	-1.0%	20.0	12.4%	16.6	-6.7%	



Tín hiệu kỹ thuật

- Hợp đồng VN30F1M** đóng cửa tại 2078, tăng 0.5 điểm (+0.02%). Áp lực điều chỉnh có phần chiếm ưu thế trong phiên nhưng giá đã phục hồi trở lại về cuối phiên chiều.
- Ở đồ thị 1 giờ**, đóng cửa tạo mẫu hình nến tăng marubozu, dù vậy, chỉ báo MACD vẫn nằm dưới đường tín hiệu cùng với RSI phục hồi chưa rõ ràng, hàm ý phản ứng nghiêng về phục hồi trong xu hướng giảm. Kháng cự gần cũng quanh vùng 2080 – 2084. Vị thế Short cần nhắc khi giá suy yếu trở lại dưới ngưỡng 2070, có thể gia tăng nếu giá tiếp tục sập gãy ngưỡng 2056. Vị thế Long cần nhắc khi giá củng cố được trên ngưỡng 2085.
- Hợp đồng VN100F1M** đóng cửa tại 1945.6, giảm 23.6 điểm (-1.2%). Độ lệch basis -8.4 điểm (thấp hơn VN100 cơ sở). Khối lượng khớp lệnh tăng, đạt 100 HĐ. Hỗ trợ gần quanh khu vực 1940, trong khi kháng cự là ngưỡng 1955 điểm.

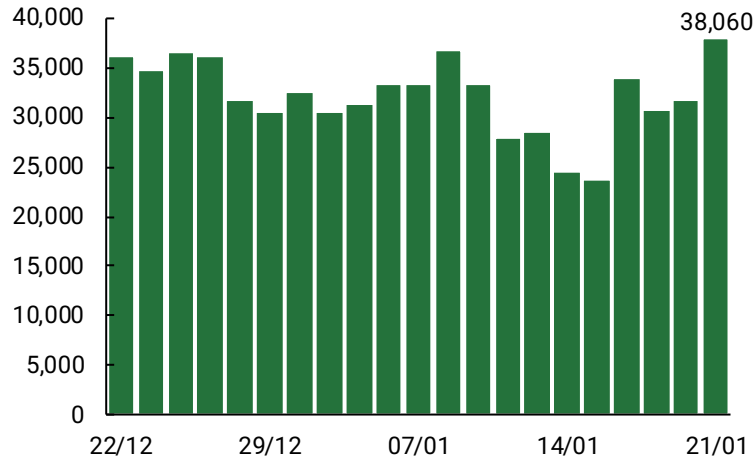
Chiến lược giao dịch trong ngày

Vị thế	Điểm vào	Chốt lời	Cắt lỗ	Lợi nhuận/ Rủi ro
Short	< 2070	2058	2078	12 : 08
Short	< 2056	2042	2064	14 : 08
Long	> 2085	2098	2077	13 : 08

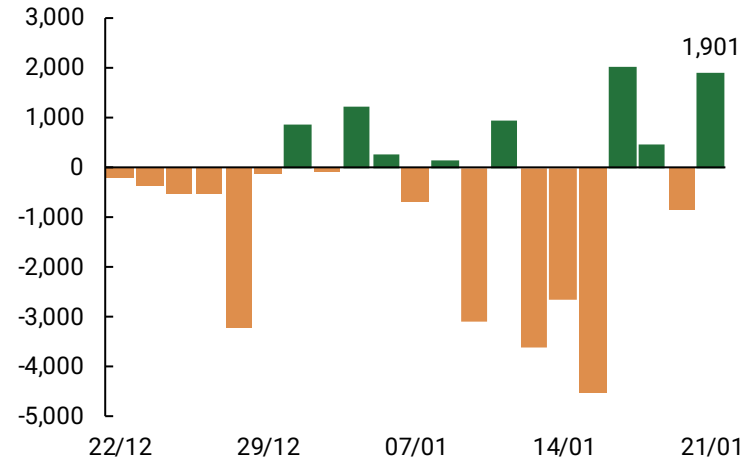
Thông kê hợp đồng tương lai

Mã hợp đồng	Giá đóng cửa	Thay đổi (điểm)	KL giao dịch	KL Mở	Giá lý thuyết	Chênh lệch	Ngày thanh toán	Thời hạn còn lại (ngày)
41I1G9000	2,062.0	-21.1	20	48	2,094.0	-32.0	17/09/2026	239
41I1G6000	2,060.1	-13.5	18	321	2,088.8	-28.7	18/06/2026	148
41I1G3000	2,074.0	1.5	834	1,175	2,083.6	-9.6	19/03/2026	57
41I1G2000	2,078.0	0.5	331,625	38,060	2,081.7	-3.7	13/02/2026	23
41I2G2000	1,945.6	-23.6	100	35	1,955.3	-9.7	13/02/2026	23

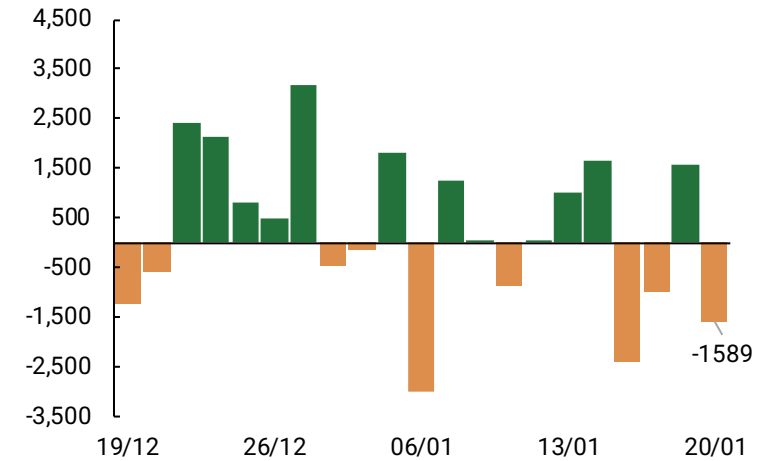
Khối lượng mở (Open interest)



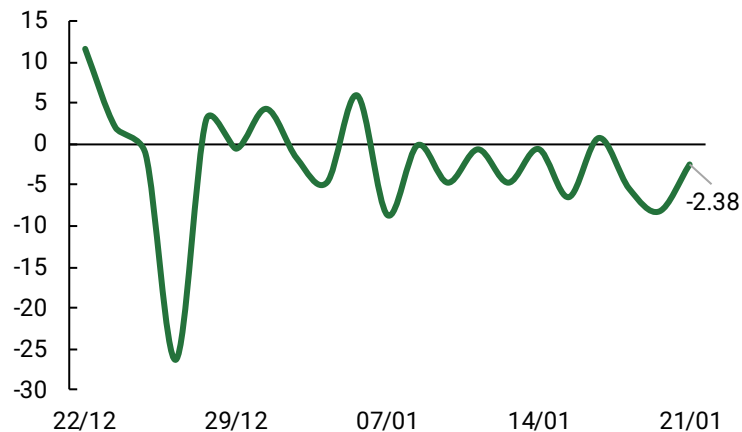
Khối lượng giao dịch ròng của khối ngoại (Hợp đồng)



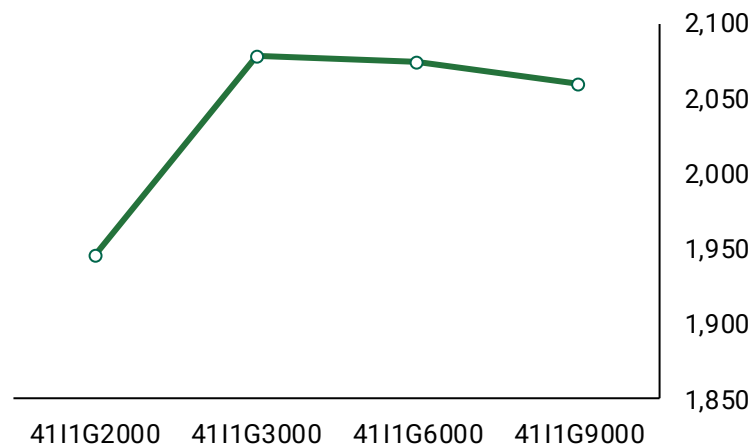
Khối lượng giao dịch ròng của tự doanh (Hợp đồng)



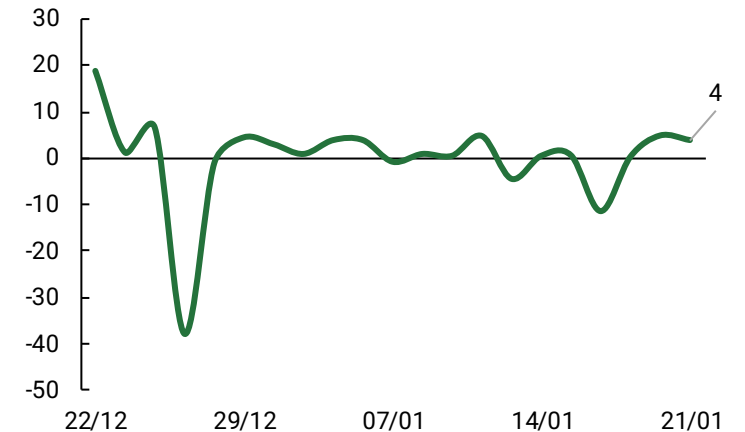
Basis hợp đồng tương lai



Đường cong hợp đồng tương lai



VN30F1M - VN30F2M



Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
AST	73,500	65,400	-11.0%	Bán
BCM	76,300	74,500	-2.4%	Giảm tỷ trọng
CTD	74,100	87,050	17.5%	Tăng tỷ trọng
CTI	23,250	27,200	17.0%	Tăng tỷ trọng
DBD	51,700	68,000	31.5%	Mua
DDV	27,351	35,500	29.8%	Mua
DGC	69,000	99,300	43.9%	Mua
DGW	45,850	48,500	5.8%	Nắm giữ
DPG	43,000	53,100	23.5%	Mua
DPR	40,800	46,500	14.0%	Tăng tỷ trọng
DRI	12,019	17,200	43.1%	Mua
EVF	11,300	14,400	27.4%	Mua
FRT	152,800	135,800	-11.1%	Bán
GMD	70,500	72,700	3.1%	Nắm giữ
HAH	59,800	67,600	13.0%	Tăng tỷ trọng
HDG	25,900	33,800	30.5%	Mua
HHV	12,650	12,300	-2.8%	Giảm tỷ trọng
HPG	26,800	30,200	12.7%	Tăng tỷ trọng
IMP	53,600	55,000	2.6%	Nắm giữ

Mã CK	Thị giá	Giá hợp lý *	Upside/ Downside	Khuyến nghị
MBB	27,000	22,700	-15.9%	Bán
MSH	35,450	43,100	21.6%	Mua
MWG	85,400	92,500	8.3%	Nắm giữ
NLG	29,800	39,900	33.9%	Mua
NT2	26,100	27,400	5.0%	Nắm giữ
PHR	62,600	72,800	16.3%	Tăng tỷ trọng
PNJ	109,900	95,800	-12.8%	Bán
PVT	20,500	18,900	-7.8%	Giảm tỷ trọng
SAB	50,600	57,900	14.4%	Tăng tỷ trọng
TLG	51,400	53,400	3.9%	Nắm giữ
TCB	35,800	35,650	-0.4%	Giảm tỷ trọng
TCM	27,400	37,900	38.3%	Mua
TRC	81,200	95,800	18.0%	Tăng tỷ trọng
VCG	22,950	26,200	14.2%	Tăng tỷ trọng
VHC	62,000	60,000	-3.2%	Giảm tỷ trọng
VNM	70,300	66,650	-5.2%	Giảm tỷ trọng
VSC	22,500	17,900	-20.4%	Bán

* Giá hợp lý đã điều chỉnh các quyền thực hiện sau ngày báo cáo

05/01	Việt Nam & Mỹ - Chỉ số PMI
06/01	Việt Nam - Công bố số liệu kinh tế tháng 12 và Quý 4/2025
09/01	Mỹ - Tỷ lệ thất nghiệp, Bảng lương phi nông nghiệp
13/01	Mỹ - Chỉ số giá tiêu dùng (CPI)
14/01	Mỹ - Chỉ số giá sản xuất (PPI), Doanh số bán lẻ
15/01	Việt Nam – Đáo hạn hợp đồng phái sinh
19/01	Trung Quốc - GDP Quý 4 yoy Việt Nam - Công bố thành phần VN30
20/01	Trung Quốc - Lãi suất cho vay cơ bản
22/01	Mỹ - GDP Q3 cuối cùng
28/01	Canada - BOC họp và công bố lãi suất
27 – 28/01	Mỹ - FED họp và công bố lãi suất
30/01	Hạn chót tái cơ cấu trước khi danh mục VN30 mới có hiệu lực.

THÔNG TIN VĨ MÔ

Gía Vàng tăng mạnh: Trên thị trường thế giới, giá vàng giao ngay tiếp tục nở rộng đà tăng, thiết lập đỉnh lịch sử mới và vọt lên trên mức 4,800 USD/ounce. Sáng 21/1, giá vàng trong nước cũng bật tăng mạnh từ 3 - 3.9 triệu đồng/lượng, đưa vàng SJC và vàng nhẫn đồng loạt lập đỉnh cao lịch sử mới, lên mốc 170 triệu đồng/lượng.

Châu Âu đóng băng thỏa thuận thương mại với Mỹ do vấn đề Greenland: Các nhóm chính trị chủ chốt, trong đó có liên minh Xã hội - Dân chủ (S&D), đã đạt đồng thuận đình chỉ thủ tục phê chuẩn thỏa thuận thương mại xuyên Đại Tây Dương ký với Mỹ vào tháng 7/2025.

Đan Mạch bán sạch trái phiếu kho bạc Mỹ: Quỹ hưu trí AkademikerPension của Đan Mạch tuyên bố họ đang thoái vốn khỏi trái phiếu kho bạc Mỹ do lo ngại về tình hình tài chính của Washington. Quyết định trên xảy ra trong lúc căng thẳng giữa Đan Mạch và Mỹ nóng lên. Tuần trước, ông Trump đe dọa sẽ áp thuế bổ sung 8 nước châu Âu nếu các bên không đồng ý để Mỹ mua lại Greenland.

THÔNG TIN DOANH NGHIỆP

HCM - Cổ phiếu giảm sàn sau công bố báo cáo tài chính: Dù lợi nhuận sau thuế quý IV/2025 tăng 41% đạt 319 tỷ đồng, doanh thu tăng 18%, chủ yếu nhờ mảng cho vay và môi giới, mảng tự doanh lỗ nặng với mức giảm lợi nhuận 27%, lỗ ròng hơn 30 tỷ đồng trong quý. Danh mục FVTPL bị thu hẹp đáng kể, cổ phiếu vốn hóa lớn bị thoái vốn. Lũy kế năm 2025, lợi nhuận sau thuế tăng 13% đạt 1,179 tỷ đồng, hoàn thành 92% kế hoạch lợi nhuận trước thuế.

LPB - LPBank báo lãi trước thuế đạt gần 14,300 tỷ đồng năm 2025, cao nhất trong lịch sử hoạt động: Năm 2025, LPBank đạt tổng tài sản 605,585 tỷ đồng, tăng 19%. Lợi nhuận trước thuế đạt 14,269 tỷ đồng, tăng 17% so với 2024, riêng quý IV tăng gần 40%. ROE đạt 25.2%, ROA 2.05%, NIM cải thiện lên 3.6%. Thu nhập ngoài lãi chiếm 27%, tăng từ 22%. Ngân hàng tăng trưởng tín dụng bán lẻ 20% với nhiều sản phẩm ưu việt, nâng cao trải nghiệm số. Tỷ lệ nợ xấu giữ ở 1.68%, CIR tối ưu xuống 28.3%. LPBank duy trì hiệu quả và bền vững, sẵn sàng bứt phá trong giai đoạn chiến lược 2026-2030.

TCB - Lợi nhuận năm 2025 hơn 32 nghìn tỷ đồng: Năm 2025, Techcombank đạt LNTT 32,500 tỷ đồng, tăng 18.2% và vượt kế hoạch, với quý IV lập kỷ lục 9,200 tỷ đồng (+94.9%). TOI đạt 53,400 tỷ đồng, NII đạt 38,200 tỷ với NIM ổn định 3.9%. Thu nhập từ dịch vụ tăng 7.8%, trong đó ngân hàng đầu tư đóng góp 4,200 tỷ, tăng 20.7%. Tín dụng tăng 18.4%, trong đó cá nhân tăng 30.8%, doanh nghiệp tăng 13.4%, với đa dạng hóa danh mục. Chi phí kiểm soát tốt, CIR 30.8%, chi phí dự phòng tăng nhẹ 8.3%. Tỷ lệ nợ xấu giảm còn 1.13%; CAR duy trì 14.6%, tổng tài sản vượt 1.19 triệu tỷ đồng. Techcombank duy trì hiệu quả vận hành và quản trị rủi ro tích cực.

SSI lãi kỷ lục gần 5,100 tỷ năm 2025, hoàn thành vượt 20% kế hoạch: SSI công bố báo cáo Quý 4/2025 với doanh thu hợp nhất 3,723 tỷ đồng và LNTT 1,005 tỷ đồng. Lũy kế cả năm, SSI ghi nhận doanh thu 13,160 tỷ đồng và LNTT 5,085 tỷ đồng, đạt 135.7% doanh thu và 119.6% lợi nhuận kế hoạch. ROE đạt 13.5%, ROA 4.2%. Mảng dịch vụ chứng khoán đóng góp 49% doanh thu, thị phần môi giới cổ phiếu cao nhất 5 năm với 11.53%. Hoạt động đầu tư tăng 53%, nguồn vốn và tài chính tăng 53%, vay hợp vốn quốc tế 300 triệu USD – kỷ lục nhóm môi giới Việt. SSI duy trì quản trị rủi ro tốt, không phát sinh nợ xấu dù dư nợ tăng mạnh.

Đảm bảo phân tích

Báo cáo được thực hiện bởi **Lê Trần Khang, chuyên viên phân tích cao cấp – Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng**. Mỗi nhân viên phụ trách về phân tích, chiến lược hay nghiên cứu chịu trách nhiệm cho sự chuẩn bị và nội dung của tất cả các phần có trong bản báo cáo nghiên cứu này đảm bảo rằng, tất cả các ý kiến của những người phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đều phản ánh trung thực và chính xác ý kiến cá nhân của họ về những vấn đề trong bản báo cáo. Mỗi nhân viên phân tích, chiến lược hay nghiên cứu đảm bảo rằng họ không được hưởng bất cứ khoản chi trả nào trong quá khứ, hiện tại cũng như tương lai liên quan đến các khuyến cáo hay ý kiến thể hiện trong bản báo cáo này

Định nghĩa xếp loại

MUA: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá hơn 20%.

TĂNG TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có tiềm năng tăng giá từ 10% đến 20%.

NẮM GIỮ: Cổ phiếu cho thấy tiềm năng tăng trưởng hạn chế dưới 10%.

Hiệu suất được định nghĩa là tổng lợi nhuận trong 12 tháng (bao gồm cả cổ tức).

BÁN: Cổ phiếu có khả năng giảm hơn -10%.

GIẢM TỶ TRỌNG: Cổ phiếu có thể giảm nhẹ từ 0% đến -10%

KHÔNG XẾP HẠNG: Cổ phiếu không được xếp hạng trong phạm vi theo dõi của PHS hoặc chưa được niêm yết.

Miễn trừ trách nhiệm

Báo cáo nghiên cứu này được chuẩn bị bởi Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS) nhằm mục đích cung cấp thông tin. Thông tin được trình bày trong báo cáo này được thu thập từ các nguồn được cho là đáng tin cậy, nhưng PHS không đảm bảo về tính chính xác hoặc đầy đủ của thông tin đó. Các quan điểm, ước tính, và dự báo trong báo cáo này phản ánh đánh giá hiện tại của tác giả tại thời điểm phát hành báo cáo và có thể thay đổi mà không cần thông báo trước. Báo cáo này không phải là một lời đề nghị bán hoặc mời chào mua bất kỳ loại chứng khoán nào. Báo cáo này không nhằm mục đích cung cấp tư vấn đầu tư cá nhân và không xét đến các mục tiêu đầu tư cụ thể, tình hình tài chính, hoặc nhu cầu của bất kỳ cá nhân nào. PHS, các công ty liên kết và/hoặc các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ có thể có lợi ích hoặc vị trí trong, và có thể thực hiện các giao dịch liên quan đến chứng khoán hoặc quyền chọn được đề cập trong báo cáo này. PHS cũng có thể thực hiện hoặc tìm cách thực hiện các dịch vụ ngân hàng đầu tư hoặc các dịch vụ khác cho các công ty được đề cập trong báo cáo này. PHS, các công ty liên kết của mình, cũng như các cán bộ, giám đốc hoặc nhân viên của họ, không chịu bất kỳ trách nhiệm pháp lý nào đối với bất kỳ tổn thất trực tiếp hoặc hệ quả nào phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hoặc nội dung của nó

© Công ty Cổ phần Chứng khoán Phú Hưng (PHS)

Tầng 21, Phú Mỹ Hưng Tower, 08 Hoàng Văn Thái, Phường Tân Mỹ, Tp. HCM

Điện thoại: (+84-28) 5 413 5479 Fax: (+84-28) 5 413 5472

Hỗ trợ khách hàng: 1900 25 23 58

Hỗ trợ đặt lệnh: (+84-28) 5 413 5488

E-mail: info@phs.vn / support@phs.vn

Web: www.phs.vn

Chi nhánh Quận 1

Phòng 1003A, Tầng 10, Tòa nhà Ruby, 81-83-83B-85 Hàm Nghi, Phường Sài Gòn, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 535 6060

Fax: (84-28) 3 535 2912

Chi nhánh Thanh Xuân

Tầng 5, Tòa nhà UDIC Complex, N04 Hoàng Đạo Thúy, Phường Thanh Xuân, Hà Nội.

Điện thoại: (84-24) 6 250 9999

Fax: (84-24) 6 250 6666

Chi nhánh Quận 3

Tầng 4, D&D Tower, 458 Nguyễn Thị Minh Khai, Phường Bàn Cờ, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 820 8068

Fax: (84-28) 3 820 8206

Chi nhánh Hải Phòng

Tầng 2, Tòa nhà Eliteco, 18 Trần Hưng Đạo, Phường Hồng Bàng, Hải Phòng

Điện thoại: (84-225) 384 1810

Fax: (84-225) 384 1801

Chi nhánh Tân Bình

Tòa nhà Park Legend, 251 Hoàng Văn Thụ, Phường Tân Sơn Hòa, Tp. HCM

Điện thoại: (84-28) 3 813 2401

Fax: (84-28) 3 813 2415